

- Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột: Phần lớn các hộ đang nuôi cá rô phi thâm canh và một số loài cá nước ngọt truyền thống Trắm cỏ, Trôi, Mè, Chép.

Thông tin điểm quan trắc:

| TT | Tên điểm quan trắc | Địa điểm quan trắc | Mô tả điểm quan trắc |
|----|---|---|--|
| 01 | Khu vực trồng thủy sản xã Cư Ni, huyện EaKar | + Kênh cấp nước N ₂ từ hồ Ea Kar thượng + Ao đại diện sử dụng nguồn nước từ kênh cấp. | Điểm quan trắc vùng nước mặt sản xuất cá giống và nuôi thâm canh các đối tượng Rô phi, Diêu hồng, các đối tượng truyền thống |
| 02 | Khu vực nuôi trồng thủy sản trên Sông Krông Ana, huyện Krông Ana. | + Sông Krông Ana đoạn chảy qua, huyện Krông Ana. + Lồng bè nuôi trên sông. | Điểm quan trắc vùng nước mặt nuôi cá Diêu hồng, Rô phi và cá nước ngọt truyền thống. |
| 03 | Khu vực nuôi lồng bè trên đập Krông Buk hạ, huyện Krông Pắc. | + Đầu nguồn đập Krông Buk hạ. + Lồng bè nuôi trên đập Krông Buk hạ | Điểm quan trắc vùng nước mặt nuôi Trắm cỏ, Diêu hồng, Rô phi, Lãng đuôi đỏ, cá Nheo Mỹ. |
| 04 | Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Ea Kao, tp Buôn Ma Thuột. | + Kênh cấp nước N ₁ từ Hồ Ea Kao. + Ao đại diện sử dụng nguồn nước từ kênh cấp. | Điểm quan trắc vùng nước mặt nuôi cá rô phi và cá nước ngọt truyền thống. |

III. THÔNG TIN LẤY MẪU

| TT | Thông tin mẫu | Ký hiệu mẫu | Ngày lấy mẫu | Giờ lấy mẫu | Đặc điểm thời tiết |
|----|---|-------------|--------------|-------------|---|
| 01 | Mẫu nước kênh cấp nước từ hồ Ea Kar thượng. | KN01 | 19/9/2023 | 8h00 | Trời nắng, trước ngày lấy mẫu 2-3 trời mưa liên tục |
| 02 | Mẫu nước ao nuôi đại diện sử dụng nước kênh cấp nước N ₂ hồ Ea Kar thượng. | AN01 | | 8h20 | |
| 03 | Mẫu nước Sông Krông Ana, huyện Krông Ana. | KN02 | 20/9/2023 | 7h45 | Trời nắng, trước ngày lấy mẫu 2-3 trời mưa liên tục |
| 04 | Mẫu nước lồng bè nuôi trên Sông Krông Ana, huyện Krông Ana. | AN02 | | 8h15 | |
| 05 | Mẫu nước hồ chứa đập Krông Buk hạ, huyện Krông Pắc | KN03 | 21/9/2023 | 8h00 | Trời nắng, trước ngày lấy mẫu có mưa |

| | | | | | |
|----|---|------|-----------|------|--------------------------------------|
| 06 | Mẫu nước lồng bè nuôi trên đập Krông Buk hạ, huyện Krông Pắc | AN03 | | 8h30 | |
| 07 | Mẫu nước kênh cấp nước N ₁ từ Hồ Ea Kao. | KN04 | 22/9/2023 | 7h30 | Trời nắng, trước ngày lấy mẫu có mưa |
| 08 | Mẫu nước ao nuôi đại diện sử dụng nước kênh cấp nước từ Hồ Ea Kao | AN04 | | 7h40 | |

IV. KẾT QUẢ QUAN TRẮC

1. Đơn vị phân tích: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III.

2. Kết quả phân tích: (Có phụ lục đính kèm theo)

V. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN CÁO

1. Nhận xét kết quả quan trắc:

a) Nhận xét kết quả quan trắc tại vùng nuôi trồng thủy sản xã Cư Ni, huyện Ea Kar

- **Nguồn nước kênh cấp:** Kết quả phân tích 16 thông số có: 15/16 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 01/16 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Có sự tồn tại của vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp* với mật độ $2,2 \times 10^2$ cfu/ml, đây là loại vi khuẩn có khả năng gây bệnh cho cá (*bệnh phù mắt, xuất huyết*)

- **Nước ao nuôi đại diện:** Kết quả phân tích 12 thông số có: 09/12 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 03/12 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng TSS đạt 43,3 mg/l, vượt ngưỡng so với GHCP: 20 mg/l, cao gấp 2,21 lần giới hạn cho phép.

+ Hàm lượng COD đạt 42,36 mg/l, vượt ngưỡng so với GHCP 10 mg/l, cao gấp 4,24 lần giới hạn cho phép.

+ Có sự tồn tại của tảo độc *Peridinium sp.* với mật độ 3.000 tế bào/lít đây là các loài thuộc ngành tảo mắt. Sự xuất hiện của tảo *Peridinium sp.* báo hiệu nền đáy ao nhiễm bẩn, trong nuôi thâm canh là do thức ăn dư thừa nhiều, trong điều kiện thuận lợi nhiều hữu cơ, tảo sẽ tăng sinh khối rất nhanh ảnh hưởng đến hàm lượng oxy hòa tan trong ao và làm nhiễm bẩn môi trường nước ao.

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy, nguồn nước kênh cấp N₂ từ hồ Ea Kar thượng đoạn qua trại cá giống 720 thuộc xã Cư Ni, có sự tồn tại của vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp*. Đồng thời, nước ao nuôi đại diện có hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng TSS vượt quá ngưỡng cho phép 2,21 lần; hàm lượng COD tương đối cao cùng với sự xuất hiện của các loài tảo *Peridinium sp.* với mật độ khá cao (3.000 tế bào/lít) báo hiệu nền đáy ao đang ở tình trạng nhiễm bẩn rất cao, cảnh báo nguy cơ nhiều bệnh phát sinh trong quá trình nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, khuyến cáo các các hộ nuôi trồng thủy sản trong khu vực cần thực hiện kịp thời các biện pháp cải tạo môi trường ao nuôi, quản lý chất lượng nước và quy trình phòng bệnh để cải thiện môi trường và ngăn chặn khả năng phát sinh bệnh trên thủy sản nuôi trong thời gian tới.

b) Nhận xét kết quả quan trắc tại vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè sông Krông Ana

- **Nguồn nước đầu dòng:** Kết quả phân tích 16 thông số có: 14/16 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 02/16 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng TSS đạt 20,7 mg/l, vượt ngưỡng so với GHCP: 20 mg/l, cao gấp 1,04 lần giới hạn cho phép.

+ Có sự tồn tại của vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp.* với mật độ $8,0 \times 10^1$ cfu/ml.

- **Nước lồng nuôi:** Kết quả phân tích 12 thông số có: 10/12 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 02/12 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 QCVN 02-26:2017/BNNPTNT và QCVN 02-22:2015/BNNPTNT cụ thể:

+ Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng TSS đạt 52,4 mg/l, vượt ngưỡng so với GHCP: 20 mg/l, cao gấp 2,62 lần giới hạn cho phép.

+ Hàm lượng kiềm đạt 29 mg/l, nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép: 60-180mg/l, thấp hơn 2,06 lần giới hạn cho phép.

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy, nguồn nước tại vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè sông Krông Ana có hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng TSS vượt mức giới hạn cho phép 2,62 lần cùng với sự xuất hiện vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp.* với mật độ $3,1 \times 10^1$ cfu/ml; bên cạnh đó, hàm lượng kiềm trong nước thấp báo hiệu vùng nuôi không an toàn, dễ phát sinh bệnh cá chậm lớn trong quá trình nuôi. Vì vậy, trong quá trình nuôi cần di chuyển lồng bè ra khu vực có dòng nước lưu thông tốt hơn, thực hiện các biện pháp phòng bệnh, quản lý chất lượng nước để ngăn chặn khả năng phát sinh bệnh và thường xuyên treo túi vôi các góc lồng nuôi để cải thiện độ kiềm trong quá trình nuôi.

c) Nhận xét kết quả quan trắc tại vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè đập Krông Buk hạ, huyện Krông Pắc.

- **Nguồn nước đầu dòng:** Kết quả phân tích 16 thông số có: 14/16 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 02/16 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Xuất hiện tảo độc *Ceritium sp.* (với mật độ 5.000 tế bào/lít), *Peridinium sp.* (với mật độ 1.000 tế bào/lít) tảo này có nguy cơ bám vào mang cá, gây hiện tượng nghẽn mang, ảnh hưởng đến quá trình hô hấp của cá khiến cá chết do ngộp thở.

+ Có sự tồn tại của vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp.* với mật độ $2,0 \times 10^1$ cfu/ml

- **Nước lồng nuôi:** Kết quả phân tích 12 thông số có: 10/12 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 02/12 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Hàm lượng kiềm đạt 52 mg/l, nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép: 60-180mg/l, thấp hơn 1,15 lần giới hạn cho phép

+ Có sự tồn tại của vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp.* với mật độ $8,0 \times 10^1$ cfu/ml

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy, nguồn nước tại đập Krông Buk hạ có sự tồn tại của 02 loài tảo độc *Ceritium sp.* và *Peridinium sp.* với mật độ khá cao có nguy cơ trực tiếp cản trở hoạt động hô hấp của cá. Bên cạnh đó: hàm lượng kiềm tương đối thấp đây là những nguyên nhân làm cá chậm lớn, nhiều bệnh phát sinh trong quá trình nuôi. Vì vậy, cần di chuyển lồng bè ra khu vực có dòng nước lưu thông tốt hơn, nuôi

mật độ vừa phải và thực hiện các biện pháp phòng bệnh và quản lý chất lượng nước để ngăn chặn khả năng phát sinh bệnh trên thủy sản nuôi trong thời gian tới.

d) Nhận xét kết quả quan trắc tại vùng nuôi trồng thủy sản xã Ea Kao

- **Nguồn nước kênh cấp:** Kết quả phân tích 16 thông số có: 15/16 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 01/16 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Xuất hiện tảo độc *Peridinium sp.* với mật độ 1.000 tế bào/lít, tảo này có nguy cơ bám vào mang cá, gây hiện tượng nghẽn mang, ảnh hưởng đến quá trình hô hấp của cá khiến cá chết do ngộp thở.

- **Nước ao nuôi đại diện:** Kết quả phân tích 12 thông số có: 11/12 thông số nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép; 02/12 thông số nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1 và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT, cụ thể:

+ Có sự tồn tại của tảo độc *Phacus sp.* với mật độ 5.000 tế bào/lít, đây là một trong những loài thuộc ngành tảo mắt. Sự xuất hiện của tảo *Phacus sp.* báo hiệu nền đáy ao nhiễm bẩn, trong nuôi thâm canh là do thức ăn dư thừa nhiều, trong điều kiện thuận lợi nhiều hữu cơ, tảo sẽ tăng sinh khối rất nhanh ảnh hưởng đến hàm lượng oxy hòa tan trong ao và làm nhiễm bẩn môi trường nước ao

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy, nguồn nước kênh cấp N₁ từ hồ Ea Kao đoạn chảy qua thôn 1, xã Ea Kao có xuất hiện các loại tảo độc *Peridinium sp.*, *Phacus sp.* với mật độ khá cao, báo hiệu trong khu vực nuôi trồng thủy sản đang bị ô nhiễm môi trường nước, khả năng phát sinh về các bệnh do vi khuẩn cao, cá chậm lớn. Vì vậy, cần thực hiện các biện pháp phòng bệnh và quản lý chất lượng nước để ngăn chặn khả năng phát sinh bệnh trên thủy sản nuôi trong thời gian tới.

2. Khuyến cáo

a) Đối với vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên các địa bàn Krông Ana và Krông Pắc.

- Khử trùng lồng bè trước khi nuôi

+ Sau vụ nuôi tiến hành tháo lồng lưới, loại bỏ các vật bám như rong, tảo... giặt sạch, phơi khô. Trước khi nuôi 5 ngày tiến hành ngâm lồng lưới bằng chlorine 20 g/m³ khoảng 30 phút để khử trùng tiêu diệt các mầm bệnh của vụ nuôi trước sau đó phơi khô lồng lưới.

+ Phơi nắng lồng bè từ 5-7 ngày, sau đó hạ thủy và tiếp tục chu kỳ nuôi mới.

- Thả nuôi với mật độ thích hợp với từng đối tượng nuôi;

- Sử dụng thức ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cá; định kỳ bổ sung vitamin C tăng cường sức đề kháng cho thủy sản nuôi.

- Cải thiện chất lượng nước, tăng độ kiềm và phòng bệnh trong quá trình nuôi:

+ Thường xuyên treo túi vôi ở các góc lồng hoặc đầu dòng chảy (2-4kg/10m³ lồng).

+ Dùng chất sát khuẩn: Chlorin (50g/10m³), trong 5-7 ngày thay 1 lần

- Bổ sung vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho cá

+ Định kỳ 2 lần/tháng hoặc trước thời gian chuyển mùa: trộn 2 -3 g Vitamin C/1kg thức ăn.

+ Sử dụng các chế phẩm sinh học trộn vào thức ăn: theo định kỳ, trước thời gian chuyển mùa và thay đổi thức ăn theo từng giai đoạn (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất)

- Vệ sinh lưới lồng nuôi, tạo dòng chảy thông thoáng đảm bảo hàm lượng oxy trong nước.

- Các bè có cá chết cần vệ sinh khu vực nuôi, thu gom cá chết ra khỏi khu vực nuôi ngăn ngừa ô nhiễm môi trường và phát sinh mầm bệnh

- Người nuôi cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, Trước, trong và sau những cơn mưa lớn đầu mùa và đặc biệt về ban đêm cần sục khí liên tục cung cấp thêm oxy cho bè nuôi.

- Theo dõi tốc độ sinh trưởng và dấu hiệu bệnh lý trên thủy sản nuôi. Báo cáo, phối hợp với cán bộ quản lý chuyên môn xử lý khi thủy sản nuôi có dấu hiệu phát sinh bệnh, dịch bệnh.

- Nguồn nước có sự tồn tại của vi khuẩn gây bệnh, người nuôi cần theo dõi và thực hiện tốt khâu chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho thủy sản nuôi.

- Nguồn nước có sự tồn tại tảo độc có khả năng cản trở hoạt động hô hấp của thủy sản nuôi, hàm lượng oxy hòa tan tương đối thấp, người nuôi cần theo dõi và trang bị hệ thống sục oxy vào ban đêm hoặc những lúc mưa giông kéo dài để bổ sung hàm lượng oxy hòa tan trong nước.

*** Khuyến cáo riêng cho khu vực nuôi lồng bè sông Krông Ana:**

- Trong kết quả phân tích cho thấy khu vực nuôi hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng TSS vượt mức giới hạn cho phép 2,62 lần cùng với sự xuất hiện vi khuẩn gây bệnh *Aeromonas sp.* với mật độ khá cao. Bên cạnh đó, hàm lượng kiềm trong nước thấp cùng với hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng rất cao (2,06 lần) báo hiệu vùng nuôi không an toàn, dễ phát sinh bệnh cá chậm lớn trong quá trình nuôi. Vì vậy, ngoài các khuyến cáo chung nêu trên đối với khu vực sông Krông Ana cần thường xuyên di dời lồng bè sang khu vực có dòng nước lưu thông tốt; vệ sinh lồng nuôi thực hiện các biện pháp phòng bệnh, quản lý chất lượng nước để ngăn chặn khả năng phát sinh bệnh trên thủy sản nuôi trong thời gian tới.

*** Khuyến cáo riêng khu vực nuôi lồng bè trên đập Krông Buk hạ.**

- Trong kết quả phân tích cho thấy khu vực nuôi có xuất hiện 02 loài tảo độc *Ceritium sp.* và *Peridinium sp.* với mật độ khá cao có nguy cơ trực tiếp cản trở hoạt động hô hấp của cá. Bên cạnh đó: hàm lượng kiềm thấp đây là những nguyên nhân làm cá chậm lớn, nhiều bệnh phát sinh trong quá trình nuôi. Vì vậy, trong quá trình nuôi cần di chuyển lồng bè ra khu vực có dòng nước lưu thông tốt hơn, nuôi mật độ vừa phải và sử dụng máy sục khí liên tục trong giai đoạn cá đạt thương phẩm.

b) Đối với vùng nuôi trồng thủy sản trong ao trên địa bàn xã Cư Ni, huyện Ea Kar và xã Ea Kar, T.p Buôn Ma Thuột.

- Trong kết quả quan trắc cho thấy cả 02 có xuất hiện của các loài tảo *Phacus sp.*, *Peridinium sp.* báo hiệu các vùng nuôi có nguy cơ ô nhiễm môi trường dễ phát sinh các bệnh trong quá trình nuôi. Vì vậy, khuyến cáo người nuôi cần thực hiện các nội dung cụ thể sau:

- Sử dụng nước từ kênh cấp để nuôi trồng thủy sản:

+ Lấy nước qua ao lắng, lọc kết hợp sử dụng vôi 5 - 7 kg/100m²;

+ Trong quá trình nuôi cần quản lý chất lượng nước ao nuôi, chăm sóc tốt cho thủy sản nuôi để vi khuẩn không có cơ hội xâm nhập gây bệnh cho cá;

+ Quá trình cấp nước, thay nước ao nuôi cần tiến hành nhiều đợt, mỗi đợt cấp từ 1/3-1/2 mực nước ao. Thường xuyên nạo vét, vệ sinh kênh mương, không xả rác sinh hoạt và xác chết động vật tại khu vực kênh nước.

- Cải tạo ao trước mỗi vụ nuôi mới

- Thường xuyên theo dõi màu nước và duy trì hàm lượng oxy hòa tan ở mức ≥ 5 mg/l. Khi phát hiện hàm lượng oxy hòa tan thấp người nuôi cần thực hiện một số biện pháp sau đây:

+ Thay nước hoặc cấp thêm nước để giữ nước ao sạch, nhất là các tháng cuối vụ nuôi. Sau khi thay nước, cấp thêm nước nên dùng vôi và muối ăn tạt đều khắp ao để phòng bệnh cho cá, tăng độ kiềm, ổn định môi trường nuôi. Lượng vôi từ 5 - 7 kg/100m², rải đều khắp mặt ao và bờ ao;

+ Sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý môi trường nước và đáy ao nhằm ổn định môi trường ao nuôi theo hướng dẫn của nhà sản xuất;

+ Thường xuyên theo dõi mực nước, màu nước ao nuôi, nhất là trong những ngày thời tiết thay đổi (nắng nóng, mưa lớn) để kịp thời điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp, tránh gây lãng phí, ô nhiễm nước ao nuôi;

+ Thả nuôi với mật độ thích hợp, sử dụng thức ăn đủ chất dinh dưỡng, đảm bảo chất lượng và định kỳ bổ sung vitamin C để cá tăng cường sức đề kháng, chủ động phòng bệnh cho cá.

Trên đây là kết quả Quan trắc môi trường nước nuôi trồng thủy sản Đợt 3, năm 2023 tại 04 khu vực nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh. Chi cục Thủy sản báo cáo kết quả quan trắc đến các cơ quan, đơn vị chuyên môn theo dõi, triển khai phổ biến kết quả; các hộ nuôi theo dõi, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thủy sản (B/cáo)
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (T/dõi);
- Chi cục trưởng (B/cáo);
- Các phòng: HCTH; QLTS;
- Webservice Sở NN&PTNT, CCTS;
- Lưu: VT, (Duyên.11b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trịnh Bá Sơn

Phụ lục:
Kết quả quan trắc môi trường nước nuôi trồng thủy sản Đợt 3 năm 2023
(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-CCTS ngày 28/9/2023 của Chi cục Thủy sản Đắk Lắk)

| Thông số | Đơn vị | Ea Kar | | Krông Ana | | Krông Pắc | | Buôn Ma Thuột | | Giới hạn cho phép |
|---------------------------------|--------|-----------------------|-----------------------|-----------|-----------------------|---------------------|---|--------------------|-----------------------|-------------------|
| | | Ao nuôi | Nước kênh cấp | Lồng nuôi | Nước đầu dòng | Lồng nuôi | Nước đầu dòng | Ao nuôi | Nước kênh cấp | |
| | | AN01 | KN01 | AN02 | KN02 | AN03 | KN03 | AN04 | KN04 | |
| pH | | 7,6 | 7,7 | 7,6 | 8,0 | 7,9 | 7,9 | 8,0 | 7,7 | 6,0-8,5 |
| kH (độ kiềm) | mg/l | 72 | - | 29 | - | 52 | - | 62 | - | 60-180 |
| DO (Oxy hòa tan) | mg/l | 6,69 | 6,33 | 6,71 | 6,30 | 6,79 | 6,04 | 6,81 | 6,10 | ≥6,0 |
| N-NH ₄ ⁺ | mg/l | 0,13 | 0,14 | 0,08 | 0,06 | 0,16 | 0,07 | 0,18 | 0,09 | 0,3 |
| N-NO ₂ ⁻ | mg/l | 0,004 | 0,004 | 0,004 | 0,003 | 0,003 | 0,004 | 0,015 | 0,014 | 0,05 |
| N-NO ₃ ⁻ | mg/l | 0,074 | 0,475 | 0,378 | 0,485 | 0,309 | 0,275 | 0,507 | 0,581 | 2,0 |
| P-PO ₄ ³⁻ | mg/l | 0,05 | 0,05 | 0,08 | 0,07 | 0,05 | 0,05 | 0,04 | 0,06 | 0,1 |
| H ₂ S | μg/l | 6 | <5 | <5 | <5 | <5 | <5 | <5 | <5 | 0,02 |
| TSS | mg/l | 43,3 | 5,8 | 52,4 | 20,7 | 2,9 | 3,4 | 8,7 | 4,1 | 20 |
| COD | mg/l | 42,36 | - | 2,13 | - | 5,29 | - | 5,84 | - | 10 |
| OSS | mg/l | 15,8 | - | 19,1 | - | 1,1 | - | 3,2 | - | - |
| Cd | μg/l | - | 0,69 | - | 0,98 | - | 0,84 | - | 0,93 | 5 |
| Pb | μg/l | - | 2,43 | - | 2,75 | - | 2,35 | - | 2,56 | 20 |
| Hg | μg/l | - | KPH | - | KPH | - | KPH | - | KPH | 1 |
| Thuốc BVTV họ cúc | μg/l | - | KPH | - | KPH | - | KPH | - | KPH | - |
| Thuốc BVTV gốc Carbamate | μg/l | - | KPH | - | KPH | - | KPH | - | KPH | - |
| <i>Aeromonas</i> sp. | cfu/ml | - | 2,2 x 10 ² | - | 8,0 x 10 ¹ | - | 2,0 x 10 ¹ | - | <10 | - |
| <i>Streptococcus</i> sp. | cfu/ml | - | < 10 | - | < 10 | - | < 10 | - | <10 | - |
| Thành phần tảo độc | | <i>Peridinium</i> sp. | KPH | KPH | KPH | <i>Ceralium</i> sp. | <i>Peridinium</i> sp <i>Ceralium</i> sp. | <i>Pha cus</i> sp. | <i>Peridinium</i> sp. | - |
| Mật độ tảo độc | TB/lít | 3.000 | | | | 1.000 | 1.000; 5.000 | 5.000 | 1.000 | |

Ghi chú: - GHCP: Giới hạn cho phép (tham chiếu QCVN 08-MT: 2015/BTNMT và QCVN 02-26:2017/BNNPTNT). - KPH: Không phát hiện. - KPT: Không phân tích.